TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2025

"V/v ly hôn và tranh chấp về con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Bà H Hương Bkrông

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 707/2024/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp về con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc P, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số I T, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số B Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Trần Ngọc P trình bày nội dung như sau:

Ông Trần Ngọc P và bà Lê Thị Xuân L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 05 tháng 01 năm 2004.

Quá trình chung sống, ông P và bà L có 02 con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 01/7/2004 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 18/10/2010.

Sau khi kết hôn ông P, bà L chúng sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng sau khi sinh cháu H một thời gian thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là quá trình làm kinh tế, kinh doanh thì vợ chồng xảy ra bất đồng, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và trầm trọng hơn. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không đạt được nên ông P đề nghị Tòa án giải quyết cho ông P được ly hôn với bà Lê Thị Xuân L.

Về con chung: Hiện nay cháu Trần Ngọc M đã đủ 18 tuổi nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, ông P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc H đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Ngọc P không yêu cầu bà Lê Thị Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:***

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc P về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Lê Thị Xuân L. Về con chung: Hiện nay cháu Trần Ngọc M đã đủ 18 tuổi ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; và giao con chung cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 18/10/2010 cho ông Trần Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Xuân L có quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Ông Trần Ngọc P không yêu cầu bà Lê Thị Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Ngọc P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Ngọc P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Xuân L, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và tranh chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn bà Lê Thị Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P và bà L là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc P và bà Lê Thị Xuân L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 05 tháng 01 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, thời gian đầu ông P, bà L chung sống hạnh phúc. Sau khi sinh cháu thứ 2 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn là do trong quá trình làm kinh tế thì vợ chồng xảy ra bất đồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và trầm trọng hơn. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông P đề nghị Tòa án giải quyết cho ông P được ly hôn với bà Lê Thị Xuân L.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Ông Trần Ngọc P và bà Lê Thị Xuân L chung sống tại địa phương và có xảy ra mâu thuẫn nên ông P có làm đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, ông P không yêu cầu hòa giải nên địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì và không thể cung cấp cho Tòa án được. Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà L không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng đã thể hiện việc bà L không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Trần Ngọc P và bà Lê Thị Xuân L đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Ngọc P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông Trần Ngọc P và bà Lê Thị Xuân L có 02 con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 01/7/2004 và Trần Thị Ngọc H, sinh

ngày 18/10/2010. Hiện nay cháu Trần Ngọc M đã đủ 18 tuổi, ông P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi ly hôn, ông P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các Trần Thị Ngọc H đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Thị Ngọc H hiện nay đang sống cùng với ông Trần Ngọc P và nguyện vọng của cháu là được sống cùng bố. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu nên cần giao cháu Trần Thị Ngọc H cho ông Trần Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Ngọc P không yêu cầu bà Lê Thị Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Trần Ngọc P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Ngọc P. Ông Trần Ngọc P được ly hôn với bà Lê Thị Xuân L.

- Về con chung: Ông Trần Ngọc P và bà Lê Thị Xuân L có 02 con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 01/7/2004 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 18/10/2010. Hiện nay cháu Trần Ngọc M đã đủ 18 tuổi, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Giao con chung cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 18/10/2010 cho ông Trần Ngọc P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Ngọc H đủ tuổi thành niên.

Bà Lê Thị Xuân L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Ngọc P không yêu cầu bà Lê Thị Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[2] Về án phí: Ông Trần Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0010110 ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường 9, Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông